

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội - Tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 12 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 22/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 05/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 13/04/2011.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: C1 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng 12.1	Số 21, Đại Từ, Đại Kim, Thanh Xuân, Hà Nội
2	Xí nghiệp Xây dựng 12.2	Mường La, Sơn La
3	Xí nghiệp Xử lý nền móng	Nhà C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
4	Xí nghiệp Sản xuất VLXD Hà Nam	Tiểu khu la mát, thị trấn Kien Khê, Thanh Liêm, Hà Nam

Các Công ty con của Công ty

Công ty	Ngành nghề	Trụ sở chính	% thực góp	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Licogi 12.9	Xây lắp	Hà Nội	68,83	8.260.000.000	8.260.000.000
Công ty CP Licogi 12.6	Gia công	Hà Nội	54,66	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV LICOGI 12 - CIC	Tư vấn	Hà Nội		-	-
Tổng				9.260.000.000	9.260.000.000

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị		
	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Tuấn	Ủy viên
	Ông Bùi Đại Minh	Ủy viên
	Ông Hoàng Mạnh Quân	Ủy viên
	Ông Phùng Văn Thanh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc		
	Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Mạnh Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đại Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Dương Xuân Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần LICOGI 12

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần LICOGI 12**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) lập ngày 20/03/2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2011 cũng như các bằng chứng kiểm toán thay thế khác để đưa ra ý kiến về các số dư này cũng như xác định mức dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		394.415.634.865	322.576.504.966
I- Tiền	110	5.1	22.590.002.991	22.966.226.444
1. Tiền	111		22.590.002.991	22.966.226.444
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.182.110.616	131.994.615.988
1. Phải thu khách hàng	131		136.170.272.737	129.584.182.342
2. Trả trước cho người bán	132		9.059.436.248	1.521.375.421
3. Các khoản phải thu khác	135		3.952.401.631	889.058.225
IV- Hàng tồn kho	140	5.2	207.062.409.095	160.896.124.962
1. Hàng tồn kho	141		207.062.409.095	160.896.124.962
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		15.581.112.163	6.719.537.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	2.784.628.982	4.757.442.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		243.115.080	194.681.869
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	12.553.368.101	1.767.413.524
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		75.699.998.331	67.248.677.209
I. Tài sản cố định	220		74.923.658.554	66.576.214.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	71.122.503.091	53.380.186.245
- Nguyên giá	222		250.119.039.151	199.888.820.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.996.536.060)	(146.508.634.632)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	-	12.496.982.120
- Nguyên giá	225		-	36.425.733.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(23.928.751.327)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	10.296.676	160.056.672
- Nguyên giá	228		150.685.576	672.685.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.388.900)	(512.628.904)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	3.790.858.787	538.989.178
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	100.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	100.000.000	100.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		676.339.777	572.462.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	263.339.777	285.462.994
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		413.000.000	-
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	-	287.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		470.115.633.196	389.825.182.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300	398.183.187.024	316.753.625.008
(300 = 310+330)			
I- Nợ ngắn hạn	310	370.995.896.535	302.536.522.419
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.12	76.538.295.870	80.903.396.689
2. Phải trả người bán	312	69.514.849.052	62.282.375.245
3. Người mua trả tiền trước	313	54.740.631.036	52.089.018.945
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.13	19.492.134.633	16.909.207.255
5. Phải trả người lao động	315	20.245.943.936	15.148.608.469
6. Chi phí phải trả	316	267.100.674	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.14	129.532.087.059	73.694.217.701
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	664.854.275	1.509.698.115
II- Nợ dài hạn	330	27.187.290.489	14.217.102.589
1. Phải trả dài hạn khác	333 5.15	-	1.500.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334 5.16	25.707.022.015	11.435.798.468
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	1.371.682.757	659.825.685
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	108.585.717	621.478.436
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	66.420.766.533	67.641.772.518
(400 = 410+430+439)			
I- Vốn chủ sở hữu	410 5.17	66.420.766.533	67.641.772.518
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.380.364.000	4.380.364.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	(2.611.290.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	3.455.004.051	2.642.904.038
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	986.793.735	647.450.766
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10.209.894.747	9.971.053.714
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439	5.511.679.639	5.429.784.649
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			
(450 = 300+400+439)		470.115.633.196	389.825.182.175

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		282.932.635.206	316.195.615.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	282.932.635.206	316.195.615.077
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	251.562.297.520	286.870.690.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.370.337.686	29.324.924.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	6.030.739.184	5.304.372.789
7. Chi phí tài chính	22	5.21	16.582.517.010	10.792.585.650
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.582.517.010</i>	<i>10.792.585.650</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.298.246.549	12.761.360.024
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.520.313.311	11.075.351.931
11. Thu nhập khác	31		13.122.438.334	1.056.155.001
12. Chi phí khác	32		6.977.741.461	200.859.934
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	6.144.696.873	855.295.067
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		9.665.010.184	11.930.646.998
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.414.052.731	2.908.703.187
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(57.071.464)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.308.028.917	9.021.943.811
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		618.529.431	805.969.374
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		6.689.499.486	8.215.974.437
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.338	1.643

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.665.010.184	11.930.646.998
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	22.958.093.718	18.628.287.365
- Các khoản dự phòng	03	(540.924.584)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.662.423.203)	(6.838.363.369)
- Chi phí lãi vay	06	16.582.517.010	10.792.585.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.810.123.374	34.513.156.644
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(43.723.384.321)	(7.067.061.803)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(44.554.729.278)	(28.706.462.429)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	89.259.434.782	18.353.945.776
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.119.077.311	(4.188.178.004)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.262.162.840)	(10.792.585.650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.497.541.077)	(1.500.756.619)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.436.418.528)	(181.444.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.714.399.423	430.613.119
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37.046.102.108)	(13.896.988.173)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.529.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.841.878.117	6.606.444.177
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.658.389.355)	(7.054.180.360)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.611.290.000)	
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	157.668.342.291	240.599.510.023
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(149.260.204.441)	(223.295.284.456)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(485.081.371)	(5.059.388.691)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.744.000.000)	(4.804.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.432.233.521)	7.440.836.876
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(376.223.453)	817.269.635
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.966.226.444	22.148.956.809
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	22.590.002.991	22.966.226.444

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 22/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 05/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 13/04/2011.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: C1 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận chuyển, san lấp nền móng các loại công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng;
- Xử lý nền móng bằng phương tiện cơ giới (khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Beretter);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm);
- Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế (thiết kế kiến trúc công trình với chức danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình;
- Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, mỡ;
- Kinh doanh xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân giá quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận

được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Năm 2011, các tài sản cố định thuê tài chính đã được phân loại sang tài sản cố định hữu hình của Công ty do đã hết thời hạn thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.404.900.794	1.542.148.673
Tiền gửi ngân hàng	20.185.102.197	21.424.077.771
Tổng	<u>22.590.002.991</u>	<u>22.966.226.444</u>

5.2 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.900.471.500	4.044.975.061
Công cụ, dụng cụ	195.903.539	202.498.466
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	196.963.510.769	155.698.105.088
Thành phẩm	2.002.523.287	950.546.347
Tổng	<u>207.062.409.095</u>	<u>160.896.124.962</u>

5.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.784.628.982	4.757.442.179
Tổng	<u>2.784.628.982</u>	<u>4.757.442.179</u>

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	12.553.368.101	1.463.203.524
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	304.210.000
Tổng	<u>12.553.368.101</u>	<u>1.767.413.524</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<u>Nhà cửa VKT</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị DCQL</u>	<u>Tổng</u>
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2011	14.062.824.621	148.710.534.889	33.733.324.584	3.382.136.783	199.888.820.877
Tăng trong năm	650.108.438	41.586.849.369	27.400.104.503	582.903.636	70.219.965.946
Mua mới trong năm	-	1.256.472.728	5.167.801.818	582.903.636	7.007.178.182
Đầu tư XD CB hoàn thành	650.108.438	-	-	-	650.108.438
Điều chuyển tài sản cho thuê tài chính	-	14.193.430.762	22.232.302.685	-	36.425.733.447
Tăng khác	-	26.136.945.879	-	-	26.136.945.879
Giảm trong năm	601.720.884	17.212.211.245	534.416.281	1.641.399.262	19.989.747.672
Thanh lý nhượng bán	601.720.884	17.212.211.245	525.446.190	1.641.399.262	19.980.777.581
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	8.970.091	-	8.970.091
Số dư tại 31/12/2011	14.111.212.175	173.085.173.013	60.599.012.806	2.323.641.157	250.119.039.151
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2011	3.686.129.399	113.636.897.271	26.275.046.983	2.910.560.979	146.508.634.632
Tăng trong năm	1.625.721.847	22.008.809.049	21.357.037.346	416.231.146	45.407.799.388
Khấu hao trong năm	1.625.721.847	12.110.025.954	6.196.081.560	413.152.663	20.344.982.024
Giảm khác	-	-	-	3.078.483	3.078.483
Điều chuyển tài sản cho thuê tài chính	-	9.898.783.095	15.160.955.786	-	25.059.738.881
Giảm trong năm	-	12.919.897.961	-	-	12.919.897.961
Thanh lý, nhượng bán	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Giảm khác	-	12.819.897.961	-	-	12.819.897.961
Số dư tại 31/12/2011	5.311.851.246	122.725.808.359	47.632.084.329	3.326.792.125	178.996.536.059
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2011	10.376.695.222	35.073.637.618	7.458.277.601	471.575.804	53.380.186.245
Tại 31/12/2011	8.799.360.929	50.359.364.654	12.966.928.477	-1.003.150.968	71.122.503.092

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 45.694.396.603 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Năm 2011, các tài sản cố định thuê tài chính đã được phân loại sang tài sản cố định hữu hình của Công ty do đã hết thời hạn thuê.

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Năm 2010	Phần mềm kế toán	Thương hiệu Licogi	HT quản lý chất lượng ISO	Tổng
<i>Nguyên giá</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	88.300.000	522.000.000	62.385.576	672.685.576
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	88.300.000	522.000.000	62.385.576	672.685.576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	39.483.332	339.300.000	62.385.576	441.168.908
Tăng trong năm	19.259.996	52.200.000	-	71.459.996
Khấu hao trong năm	19.259.996	52.200.000		71.459.996
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	58.743.328	391.500.000	62.385.576	512.628.904
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	48.816.668	182.700.000	-	231.516.668
Tại ngày 31 tháng 12	29.556.672	130.500.000	-	160.056.672

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)		MẪU B 09-DN	
5.8	Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Văn phòng Công ty tại C1 Giải Phóng	-	457.971.678
	Đền bù khu đất Cầu Bươu	81.017.500	81.017.500
	Trạm bê tông 2	3.709.841.287	-
		3.790.858.787	538.989.178
5.9	Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
	<i>Công ty Cổ phần Thủy điện IA HIAO</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
	Tổng	100.000.000	100.000.000
5.10	Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Công cụ dụng cụ	263.339.777	285.462.994
	Tổng	263.339.777	285.462.994
5.11	Tài sản dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	287.000.000
		-	287.000.000
5.12	Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Vay ngắn hạn	75.953.394.948	80.347.687.353
	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	51.609.237.443	55.846.787.657
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	12.476.900.774	14.813.977.982
	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Hà Nội	5.485.318.813	9.686.921.714
	Vay cá nhân	6.381.937.918	-
	Vay các đối tượng khác	584.900.922	555.709.336
	Quỹ tương trợ Công ty	194.900.922	165.709.336
	Các đối tượng khác	390.000.000	390.000.000
	Tổng	76.538.295.870	80.903.396.689

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU B 09-DN****5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.327.197.929	14.247.358.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250.247.184	2.333.735.530
Thuế thu nhập cá nhân	102.774.081	27.233.339
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	300.880.360
Tổng	19.492.134.633	16.909.207.255

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.317.078.222	1.016.415.058
Bảo hiểm xã hội	638.174.856	397.500.586
Bảo hiểm y tế	110.866.412	23.216.890
Bảo hiểm thất nghiệp	34.983.296	11.129.266
Các khoản phải trả, phải nộp khác	127.430.984.273	72.245.955.901
<i>Phải trả khác (dư có 141)</i>	<i>22.435.869.590</i>	<i>24.263.527.759</i>
<i>Tiền nhà dự án C1 Giải Phóng</i>	<i>104.406.086.590</i>	<i>45.895.527.436</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>589.028.093</i>	<i>2.086.900.706</i>
Tổng	129.532.087.059	73.694.217.701

5.15 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	-	1.500.000.000
Tổng	-	1.500.000.000

5.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	25.707.022.015	10.950.717.097
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)	12.858.634.336	9.834.717.097
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	12.848.387.679	1.116.000.000
Nợ dài hạn	-	485.081.371
Thuê tài chính- Ngân hàng NN&PTNT	-	485.081.371
Tổng	25.707.022.015	11.435.798.468

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTĐTH ký ngày 05/08/2010 giữa BIDV Chi nhánh HN và Cty Licogi 12. Mục đích vay: Thực hiện dự án " Tòa nhà hỗn hợp Vp và nhà ở L12 tại số 21 phố Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, HN". Số tiền vay là 20 tỷ đồng, thời hạn vay là 4 năm. Lãi suất theo thông báo của ngân hàng, điều chỉnh 3 tháng/lần.

(2): Hợp đồng vay số 1.11.056.30073.TD ký tháng 04/01/2011 với mục đích mua máy Casagrande. Số tiền vay là 685.422,53 USD, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất 8,2%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Số dư tại ngày 31/12/2011 là 616.880,53 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**Vốn điều lệ**

Đối tượng	Cổ phần	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn thực tế đã góp đến ngày 31/12/2011	
		VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	596.700	5.967.000.000	11,93	5.967.000.000	11,93
Ông Dương Xuân Quang	601.184	6.011.840.000	12,02	6.011.840.000	12,02
Ông Nguyễn Anh Tuấn	10.000	100.000.000	0,20	100.000.000	0,20
Ông Hoàng Minh Tuấn	153.248	1.532.480.000	3,06	1.532.480.000	3,06
Ông Lê Quang Định	10.113	101.130.000	0,20	101.130.000	0,20
Các cổ đông khác	3.628.755	36.287.550.000	72,59	36.287.550.000	72,59
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	4.380.364.000	1.877.188.202	344.636.901	6.986.020.607	63.588.209.710
Tăng trong năm	-	-	765.715.836	302.813.865	8.219.858.742	9.288.388.443
Tăng khác	-	-	765.715.836	302.813.865	3.884.305	1.072.414.006
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.215.974.437	8.215.974.437
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.234.715.635	5.234.715.635
Phân phối quỹ	-	-	-	-	1.234.715.635	1.234.715.635
Trả cổ tức từ lợi nhuận 2010	-	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Số dư tại 31/12/2010	50.000.000.000	4.380.364.000	2.642.904.038	647.450.766	9.971.163.714	67.641.882.518
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	4.380.364.000	2.642.904.038	647.450.766	9.971.163.714	67.641.882.518
Tăng trong năm	-	-	812.100.013	339.342.969	6.689.499.486	7.840.942.468
Phân phối quỹ	-	-	812.100.013	339.342.969	-	1.151.442.982
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.689.499.486	6.689.499.486
Giảm trong năm	-	-	-	-	6.450.768.452	6.450.768.452
Phân phối quỹ	-	-	-	-	1.450.768.452	1.450.768.452
Trả cổ tức từ lợi nhuận 2010	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Số dư tại 31/12/2011	50.000.000.000	4.380.364.000	3.455.004.051	986.793.735	10.209.894.748	69.032.056.534

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	5.967.000.000	5.967.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	44.033.000.000	44.033.000.000
Tổng	50.000.000.000	50.000.000.000

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	4.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	261.129	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.738.871	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.738.871	5.000.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP***5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	92.966.121.903	89.303.537.148
Doanh thu bán bê tông	19.302.307.919	105.685.522.376
Doanh thu đồng cọc, đúc cọc	2.048.340.819	3.392.502.151
Doanh thu khoan cọc nhồi	130.540.422.790	76.947.413.252
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.748.484.837	6.034.379.620
Doanh thu gia công cơ khí	30.326.956.938	34.832.260.530
Tổng	282.932.635.206	316.195.615.077

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	87.539.383.935	86.214.417.780
Giá vốn bán bê tông	19.320.287.283	96.262.994.130
Giá vốn đóng cọc, đúc cọc	2.290.197.563	3.692.727.163
Giá vốn khoan cọc nhồi	113.103.688.955	66.153.996.945
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.510.766.367	4.953.880.271
Giá vốn gia công cơ khí	24.797.973.417	29.592.673.972
Tổng	251.562.297.520	286.870.690.261

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.640.387.098	1.914.020.703
Doanh thu tài chính khác	3.390.352.086	3.390.352.086
Tổng	6.030.739.184	5.304.372.789

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.582.517.010	10.792.585.650
Tổng	16.582.517.010	10.792.585.650

5.22 Thu nhập/ Chi phí khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	236.363.636	236.363.636
Thu nhập khác	12.886.074.698	819.791.365
Tổng	13.122.438.334	1.056.155.001
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.444.444	4.444.444
Chi phí khác	6.973.297.017	196.415.490
Tổng	6.977.741.461	200.859.934
Thu nhập khác thuần	6.144.696.873	855.295.067

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.665.010.184	11.930.646.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(668.120.000)	(3.975.479.404)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(668.120.000)	(3.975.479.404)
+ Cổ tức nhận được	(668.120.000)	(1.050.000.000)
+ Chuyển lỗ năm trước	-	(1.631.854.711)
+ Giảm khác	-	(1.293.624.693)
Tổng thu nhập chịu thuế	9.893.296.040	7.955.167.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.473.324.010	1.988.791.899
Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	-	919.910.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	59.271.279	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.414.052.731	2.908.703.187

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.689.499.486	8.215.974.437
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.689.499.486	8.215.974.437
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.738.871	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.412	1.643

6. THÔNG TIN KHÁC**Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN